

DANH SÁCH

**GIA ĐÌNH LIỆT SĨ NHẬN QUÀ BẰNG HIỆN VẬT NHÂN KỶ NIỆM 78 NĂM NGÀY  
THƯƠNG BINH - LIỆT SĨ (27/7/1947 - 27/7/2025), KỶ NIỆM 80 NĂM CÁCH MẠNG  
THÁNG TÁM VÀ QUỐC KHÁNH MỪNG 02/9**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /8/2025 của Chủ tịch UBND phường Đắk Cẩm)

| TT | Thông tin về liệt sĩ |                                                | Thông tin về người nhận quà hiện vật                     |                            | Ghi chú |
|----|----------------------|------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|----------------------------|---------|
|    | Họ và tên liệt sĩ    | Số hồ sơ quản lý hoặc số Bằng Tổ Quốc ghi công | Họ và tên đại diện thân nhân hoặc người thờ cúng liệt sĩ | Hiện thường trú (thôn, tổ) |         |
| 1  | Võ Ngọc Đình         | 15                                             | Đặng Thị Thu                                             | Tổ 2                       |         |
| 2  | Võ Ngọc Nam          | 15                                             | Đặng Thị Thu                                             | Tổ 2                       |         |
| 3  | Trần Văn Mão         | 27792B                                         | Nguyễn Thị Mùi                                           | Tổ 3                       |         |
| 4  | Vũ Văn Ninh          | 3003                                           | Hà Thị Điệp                                              | Tổ 5                       |         |
| 5  | Phan Cẩm             | 1127                                           | Trương Thị Tổng                                          | Tổ 9                       |         |
| 6  | Trần Anh Tuấn        | 23888                                          | Huỳnh Thị Hoa                                            | Tổ 9                       |         |
| 7  | Lê Văn Chắt          | 8978                                           | Lê Thị Châu                                              | Tổ 9                       |         |
| 8  | Nguyễn Tiến Bản      | 37490                                          | Nguyễn Thị Kiểm                                          | Thôn 1                     |         |
| 9  | Huỳnh Thị Nhung      | 19674                                          | Huỳnh Khôi                                               | Thôn 9                     |         |
| 10 | Huỳnh Xi             | 19674                                          | Huỳnh Khôi                                               | Thôn 9                     |         |
| 11 | Huỳnh Nguyệt         | 19674                                          | Huỳnh Khôi                                               | Thôn 9                     |         |
| 12 | Trần Bá Hào          | 2920                                           | Phan Thị Liên                                            | Thôn 10                    |         |
| 13 | Nguyễn Xuân Việt     | 374                                            | Nguyễn Xuân Công                                         | Thôn 11                    |         |
| 14 | A Grí                | 2028                                           | Y Loan                                                   | Tổ 1                       |         |
| 15 | Huỳnh Thị Tỷ         | 2263                                           | Huỳnh Thị Nga                                            | Thôn 1                     |         |
| 16 | Huỳnh Thị Chút       | 2265                                           | Huỳnh Thị Nga                                            | Thôn 1                     |         |
| 17 | Huỳnh Cao Cái        | 2264                                           | Huỳnh Thị Nga                                            | Thôn 1                     |         |
| 18 | Nguyễn Ra            | 2869                                           | Nguyễn Ngọc Hàng                                         | Thôn 1                     |         |
| 19 | Trần Văn Tuy         | 373                                            | Trần Xuân Thụy                                           | Thôn 2                     |         |
| 20 | Nguyễn Thiệu         | 3094                                           | Nguyễn Thị Thận                                          | Thôn 2                     |         |
| 21 | Trần Thị Giàu        | 2166                                           | Lê Văn Đáo                                               | Tổ 2                       |         |
| 22 | Lê Thị Hường         | 2121                                           | Lê Văn Đáo                                               | Tổ 2                       |         |
| 23 | Nguyễn Đình Sỹ       | 2706                                           | Nguyễn Đình Yên                                          | Tổ 6                       |         |

| TT | Thông tin về liệt sĩ |                                                | Thông tin về người nhận quà hiện vật                     |                            | Ghi chú |
|----|----------------------|------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|----------------------------|---------|
|    | Họ và tên liệt sĩ    | Số hồ sơ quản lý hoặc số Bằng Tổ Quốc ghi công | Họ và tên đại diện thân nhân hoặc người thờ cúng liệt sĩ | Hiện thường trú (thôn, tổ) |         |
| 24 | Bùi Trọng Kỳ         | 2097                                           | Bùi Trọng Tài                                            | Tổ 6                       |         |
| 25 | Bùi Trọng Khoa       | 519                                            | Bùi Trọng Tài                                            | Tổ 7                       |         |
| 26 | Nguyễn Văn Lanh      | 2363                                           | Nguyễn Thị Thới                                          | Tổ 8                       |         |
| 27 | Lê Văn Đồi           | 2772                                           | Lê Văn Lành                                              | Tổ 1                       |         |
| 28 | Nguyễn Minh Tâm      | 2097                                           | Nguyễn Hữu Chính                                         | Tổ 3                       |         |
| 29 | Phan Thanh Cẩn       | 418                                            | Phan Văn Thế                                             | Tổ 4                       |         |
| 30 | Trần Hải             | 2279                                           | Trần Thị Hòa                                             | Tổ 1                       |         |
| 31 | Huỳnh Công Hải       | 555                                            | Huỳnh Công Cừ                                            | Tổ 5                       |         |
| 32 | Huỳnh Công Lưu       | 535                                            | Huỳnh Công Cừ                                            | Tổ 5                       |         |
| 33 | Nguyễn Tui           | 2832                                           | Nguyễn Thị Thái                                          | Tổ 2                       |         |
| 34 | Đoàn Văn Toan        | 2722                                           | Đoàn Văn Tính                                            | Tổ 2                       |         |
| 35 | Nguyễn Sở            | 2125                                           | Nguyễn Thị Ven                                           | Tổ 3                       |         |
| 36 | Trần Văn Lai         | 729                                            | Thạch Hồng Kỳ                                            | Tổ 6                       |         |
| 37 | Trần Đình Kiệm       | 2836                                           | Trần Thị Yên                                             | Tổ 8                       |         |
| 38 | Nguyễn Minh Hùng     | 509                                            | Nguyễn Thị Kim Tuyến                                     | Tổ 3                       |         |
| 39 | Tạ Văn Lệnh          | 251                                            | Tạ Thị Chiến                                             | Tổ 5                       |         |
| 40 | Trịnh Văn Hiệp       | 3024                                           | Trịnh Văn Nghị                                           | Tổ 10                      |         |
| 41 | Bùi Quang Tấn        | 3096                                           | Bùi Quang Vĩnh                                           | Tổ 10                      |         |
| 42 | Nguyễn Minh          | 3097                                           | Nguyễn Anh Tuấn                                          | Tổ 3                       |         |
| 43 | Nguyễn Chí Hòa       | 3098                                           | Nguyễn Anh Tuấn                                          | Tổ 4                       |         |
| 44 | Thân Cẩn             | 520                                            | Thân Trọng Bình                                          | Tổ 8                       |         |
| 45 | Bùi Thị E            | 3111                                           | Bùi Phụ                                                  | Tổ 2                       |         |
| 46 | Nguyễn Văn Nghiêm    | 3110                                           | Nguyễn Văn Minh                                          | Tổ 3                       |         |
| 47 | Nguyễn Quang Quán    | 2156                                           | Nguyễn Quang Phúc                                        | Tổ 10                      |         |
| 48 | Nguyễn Đình Khoa     | 422                                            | Nguyễn Đình Giáp                                         | Tổ 5                       |         |
| 49 | Đỗ Văn Bá            | 3128                                           | Đỗ Thanh Duy                                             | Tổ 3                       |         |
| 50 | Phan Văn Thanh       | 504                                            | Phan Văn Khản                                            | Tổ 8                       |         |
| 51 | Trần Ken             | 2676                                           | Trần Thị Hiền                                            | Tổ 4                       |         |
| 52 | Nguyễn Thị Phòng     | 2747                                           | Nguyễn Thị Thu Thanh                                     | Thôn Thanh Trung           |         |
| 53 | Võ Thị Phu           | 733                                            | Nguyễn Thị Thu Thanh                                     | Thôn Thanh Trung           |         |

| TT                         | Thông tin về liệt sĩ |                                                | Thông tin về người nhận quà hiện vật                     |                            | Ghi chú |
|----------------------------|----------------------|------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|----------------------------|---------|
|                            | Họ và tên liệt sĩ    | Số hồ sơ quản lý hoặc số Bằng Tổ Quốc ghi công | Họ và tên đại diện thân nhân hoặc người thờ cúng liệt sĩ | Hiện thường trú (thôn, tổ) |         |
| 54                         | Dương Thị Thanh      | 364                                            | Dương Văn Phong                                          | Tổ 3                       |         |
| 55                         | Hoàng Văn Đăng       | 2880                                           | Hoàng Thị Nhiếp                                          | Thôn Thanh Trung           |         |
| 56                         | A Mul                | 2106                                           | Y Brêng                                                  | Plei Trum Đăk              |         |
| 57                         | Nguyễn Quang Viên    | 359                                            | Nguyễn Thị Thanh Tuyền                                   | Tổ 1                       |         |
| 58                         | Lê Mẫn               | 2289                                           | Lê Văn Đào                                               | Tổ 3                       |         |
| 59                         | Nguyễn Thời          | 2912                                           | Nguyễn Thị Kim Trí                                       | Tổ 1                       |         |
| 60                         | Nguyễn Minh Tân      | 2913                                           | Nguyễn Thị Kim Trí                                       | Tổ 2                       |         |
| 61                         | Nguyễn Thạnh         | 2914                                           | Nguyễn Thị Kim Trí                                       | Tổ 3                       |         |
| <b>Tổng cộng: 61 người</b> |                      |                                                |                                                          |                            |         |